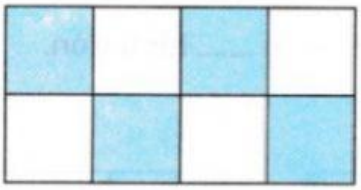
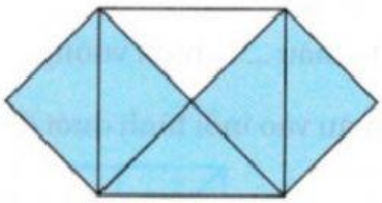
Phân số. Phân số và phép chia số tự nhiên. Phân số bằng nhau

1. Viết phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình dưới đây vào chỗ chấm :

a) 

.....

b) 

.....

2. Viết (theo mẫu) :

Phân số	Tử số	Mẫu số	Đọc
$\frac{4}{5}$	4	5	bốn phần năm
$\frac{6}{10}$			
			chín phần mười bốn

3. Viết (theo mẫu) :

a) *Mẫu :* $5 : 8 = \frac{5}{8}$

$4 : 9 =$ ..... $8 : 11 =$ ..... $7 : 15 =$ ..... $6 : 18 =$ .....

b) *Mẫu :* $12 : 3 = \frac{12}{3} = 4$

$15 : 5 =$ ..... $63 : 21 =$ ..... $45 : 9 =$ ..... $144 : 24 =$ .....

c) *Mẫu :* $4 = \frac{4}{1}$

$7 =$ ..... $15 =$ ..... $10 =$ ..... $0 =$ .....

4. Viết các phân số thích hợp vào chỗ chấm :

Trong các phân số : $\frac{4}{7}$; $\frac{9}{5}$; $\frac{15}{21}$; $\frac{12}{12}$; $\frac{17}{15}$; $\frac{39}{39}$:

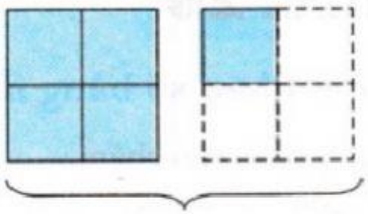
a) Các phân số bé hơn 1 là : .....

b) Các phân số bằng 1 là : .....

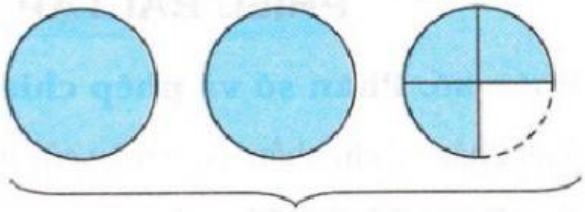
c) Các phân số lớn hơn 1 là : .....

LIVEWORKSHEETS

5. a) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm :

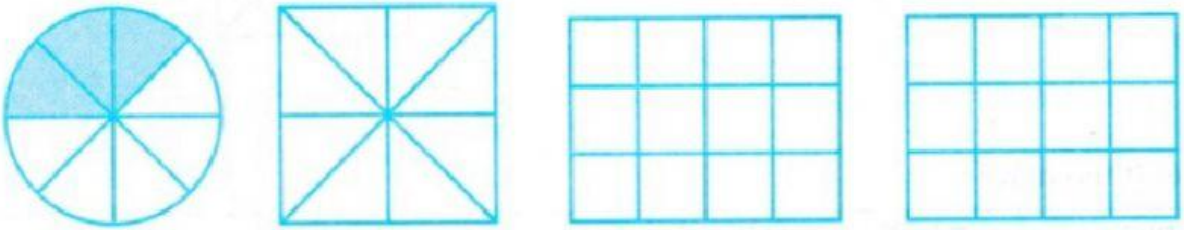


Đã tô màu ..... hình vuông.



Đã tô màu ..... hình tròn.

b) Tô màu vào mỗi hình dưới đây (theo mẫu) :



$\frac{3}{8}$ $\frac{1}{2}$ $\frac{5}{12}$ $\frac{8}{12}$

6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $\frac{2}{3} = \frac{2 \times 4}{3 \times 4} = \frac{.....}{.....}$ $\frac{5}{9} = \frac{5 \times .....}{9 \times 3} = \frac{.....}{.....}$

$\frac{8}{14} = \frac{8 : 2}{14 : 2} = \frac{.....}{.....}$ $\frac{35}{40} = \frac{35 : 5}{40 : .....} = \frac{.....}{.....}$

b) $\frac{4}{5} = \frac{12}{.....}$; $\frac{15}{21} = \frac{5}{.....}$; $\frac{3}{8} = \frac{.....}{32}$; $\frac{36}{24} = \frac{.....}{4}$

7. Mỗi đoạn thẳng dưới đây đều được chia thành các phần có độ dài bằng nhau. Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :



$AM = \frac{5}{6}AB$; MB = ... AB ; AB = ... AM ; MB = ... AM

8 a) Viết 5 phân số bé hơn 1, có mẫu số là 6 và có tử số lớn hơn 0 :

.....

b) Viết 5 phân số lớn hơn 1 và có mẫu số là 7 :

.....

c) Viết 5 phân số bằng phân số $\frac{6}{8}$:

.....

d) Viết các phân số có tổng của tử số và mẫu số bằng 5 :

.....

LIVEWORKSHEETS